

KẾ HOẠCH
DỰ TOÁN THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU, CHI
NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư của Bộ tài chính: số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các văn bản khác liên quan; Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của Bộ tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 07 năm 2024 về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16/7/2024 quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số: 5109/UBND-GDDT của Ủy ban nhân dân Quận 6 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Quận 6.

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024, tình hình thực tế tại đơn vị cũng như điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển các kỹ năng của học sinh. Trường THCS Hậu Giang xây dựng Kế hoạch dự toán thu - chi các khoản thu khác năm học 2024-2025 như sau:

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đảm bảo điều kiện học tập và an toàn sức khỏe cho học sinh khi tham gia học tập tại trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

- Xây dựng định mức các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 theo đúng quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong công tác quản lý tài chính của nhà trường.



- Thông tin, tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh về việc thực hiện công tác tài chính của nhà trường trong năm học 2024-2025.

2. Yêu cầu

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, thực hiện các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 đảm bảo thực hiện theo đúng quy định và được sự đồng thuận của phụ huynh học sinh.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, thông tin đến toàn thể phụ huynh học sinh nhằm nâng cao hiểu biết và trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên, PHHS đảm bảo an ninh trật tự trường học.

- Phát huy sức mạnh tập thể, huy động toàn thể lực lượng trong nhà trường, PHHS tạo điều kiện thuận lợi cho công tác triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với chính quyền, các ban ngành đoàn thể tại địa phương và gia đình học sinh.

I. NGUYÊN TẮC THU CHI

- Các khoản thu, mức thu phải thực hiện thỏa thuận giữa nhà trường với cha mẹ học sinh thể hiện bằng văn bản; khoản thu và mức thu khi thực hiện không vượt qua mức tối đa được Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận 6 quy định, thời gian thu không vượt quá 9 tháng.

- Các khoản thu, mức thu phải phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, điều kiện kinh tế và thu nhập của cha mẹ học sinh và đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

- Căn cứ vào tình hình, điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương về việc tổ chức các dịch vụ phục vụ và các hoạt động giáo dục cần thiết tại nhà trường; Căn cứ vào nhu cầu của học sinh, thu nhập của cha mẹ học sinh thống nhất với cha mẹ học sinh về việc lựa chọn các dịch vụ và hoạt động giáo dục khác phù hợp theo nguyên tắc tự nguyện, không áp đặt. Mỗi khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục phải xây dựng toán chi cụ thể để làm cơ sở xác định mức thu đối với học sinh.

- Đối với các khoản thu đủ bù chi không thực hiện thu ở các tháng tiếp theo nếu số thu đã đảm bảo đủ các mức chi phục vụ cho học sinh.

- Mức chi do nhà trường tính toán xây dựng kế hoạch, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp với nguồn kinh phí thu được.

II. NỘI DUNG THU

A. Học phí chính khóa:

1. Học phí chính khóa: 60.000 đồng/tháng

B. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác:

1. Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày: 200.000đ/tháng/HS

2. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài: 200.000đ/tháng/HS

3. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ: 100.000đ/tháng/HS

4. Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống: 40.000đ/tháng/2 tiết/HS

5. Tiền tổ chức Giáo dục STEM: 90.000đ/tháng/2 tiết/HS

6. Tiền tổ chức học bơi: 180.000đ/tháng/HS (Dự kiến học 6 tuần)

C. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án

1. Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành Phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030 (IC3) (60tiết/năm) khối 6,7,8: 160.000đ/ tháng/HS.

C. Các khoản thu dịch vụ cho cá nhân học sinh

1. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ HS bán trú: 170.000đ/năm.
2. Tiền học phẩm: 50.000đ/năm (phù hiệu, thẻ học sinh, học bạ, túi đựng bài kiểm tra, giấy in đề kiểm tra, ...)
3. Tiền suất ăn trưa và ăn xế bán trú: 38.000đ/ngày.
4. Tiền nước uống : 10.000đ/tháng.
5. Dịch vụ khám sức khỏe HS ban đầu: 23.000đ/năm
6. Dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số (Số liên lạc điện tử): 100.000đ/năm
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số (Phần mềm K12ONL): 10.000đ/tháng

D. Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú

1. Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú có bếp ăn: 300.000đ/tháng.

E. Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)

- Đối với lớp đã trang bị sẵn máy lạnh: 23.000đ/tháng.

F. Khoản thu tự nguyện

- BHYT năm 2025: 884.520đ/năm.
- Bảo hiểm tai nạn HS: 30.000đ/năm.

III. NỘI DUNG CHI (Đính kèm phụ lục 1)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu

- Xây dựng dự thảo kế hoạch và lấy ý kiến đóng góp trong Ban giám hiệu, Hội đồng sư phạm, Ban đại diện cha mẹ học sinh.
- Thực hiện bổ sung, điều chỉnh dự thảo kế hoạch sau khi thống nhất các ý kiến đóng góp và hoàn thiện kế hoạch.
- Ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai trong toàn Hội đồng sư phạm, chính quyền địa phương, phụ huynh học sinh bằng nhiều hình thức như bản tin, trang web, group zalo...
- Tổ chức thực hiện thoả thuận với từng phụ huynh học sinh toàn trường. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách miễn giảm của nhà nước và các em thuộc diện khó khăn được đề nghị miễn giảm các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá, giáo dục thực hiện theo đề án.
- Triển khai thực hiện các nội dung thu, chi theo kế hoạch trong năm học 2024- 2025, thực hiện điều chỉnh, bổ sung các khoản thu, chi nếu có thay đổi khi có văn bản chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân Quận 6 và sau khi thoả thuận với phụ huynh học sinh.

2. Các đoàn thể

- Tham gia góp ý các nội dung trong dự thảo kế hoạch thực hiện các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025.



- Vận động công đoàn viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động trong phụ huynh học sinh.

- Phối hợp Ban giám hiệu giám sát việc thực hiện các khoản thu, chi theo đúng quy định.

- Phối hợp Ban giám hiệu giám sát công tác công khai, minh bạch trong việc thực hiện các khoản thu, chi hàng tháng.

- Lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn đề xuất hỗ trợ miễn giảm các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá, giáo dục thực hiện theo đề án và chăm lo cho các em có điều kiện đến trường.

3. Giáo viên, nhân viên

- Tô chức triển khai thực hiện tốt các nội dung trong Kế hoạch thực hiện các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024 - 2025.

- Tuyên truyền và thực hiện thoả thuận với từng phụ huynh học sinh trong lớp về việc thực hiện các khoản thu. Thực hiện tốt vai trò cầu nối giữa Ban giám hiệu và phụ huynh học sinh, kịp thời thông tin đến phụ huynh những nội dung, thông báo của nhà trường và phản hồi những ý kiến, phản ánh của PHHS về với Ban giám hiệu để kịp thời trao đổi, xử lý

- Phối hợp với các đoàn thể bình xét học sinh có hoàn cảnh khó khăn đề xuất hỗ trợ miễn giảm các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá, giáo dục thực hiện theo đề án và chăm lo cho các em có điều kiện đến trường.

Nơi nhận

- PGD để báo cáo
- BDD CMHS
- PHT, TTCM
- Công đoàn, chi đoàn
- Lưu văn thư, KT

Hiệu trưởng



Nguyễn Hạnh Diễm Phúc

**DỰ TOÁN THU-CHI CÁC DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024-2025**

| STT | NỘI DUNG THU | MỨC THU NHÀ TRƯỜNG 2024-2025 | SỐ SẴNH VỚI MỨC THU CỦA QUẬN VÀ CỦA NĂM HỌC CŨ 2023 - 2024 | NỘI DUNG CHI | THỜI ĐIỂM TỎ CHỨC THU |
|---|--|------------------------------|--|--|--|
| I./ Khoản thu theo quy định | | | | | |
| 1 | Học phí chính khóa (đồng/HS/tháng) | 60.000 | | Trích 40% CCTL trên tổng thu và chi hoạt động giáo dục, lương và các khoản phụ cấp theo lương, chi hoạt động chuyên môn, chi khác theo quy định. Trong trường hợp sau khi trừ chi phí, xử lý chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ theo quy định. | - Thực hiện thu mỗi tháng, từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025. |
| II./ Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác | | | | | |
| 1 | Tổ chức dạy học 2 buổi (đồng/HS/tháng) | 200.000 | - Mức thu của Quận: 200.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 180.000 đồng/HS/tháng; Tỉ lệ tăng 11% so với mức thu năm học cũ. | - Khoản thu để tổ chức các hoạt động: 1./ Chi 70% tổ chức dạy theo kế hoạch tổ chức 2 buổi/ngày cho giảng dạy; Chi 14% hỗ trợ cho công tác quản lý theo hệ số. 2./ Chi hỗ trợ hoạt động, chuyên môn. 3./ Trích nguồn cải cách tiền lương; cuối năm nếu còn thặng dư thì sẽ thực hiện trích nguồn cải cách tiền lương theo quy định. | - Thực hiện thu mỗi tháng, từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025. |
| 2 | Tổ chức dạy học Tăng cường tiếng Anh (đồng/HS/tháng) | 100.000 | - Mức thu của Quận: 100.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 100.000 đồng/HS/tháng; Tỉ lệ tăng 0% so với mức thu năm học cũ. | - Khoản thu để tổ chức các hoạt động: 1./ Chi 65% cho giáo viên giảng dạy; chi 15% hỗ trợ cho công tác quản lý theo hệ số và 2% thuế TNDN. 2./ Chi hỗ trợ hoạt động, chuyên môn. 3./ Trích nguồn cải cách tiền lương; cuối năm nếu còn thặng dư thì sẽ thực hiện trích nguồn cải cách tiền lương theo quy định. | - Thực hiện thu mỗi tháng, từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025. |



| STT | NỘI DUNG THU | MỨC THU NHÀ TRƯỞNG 2024-2025 | SO SÁNH VỚI MỨC THU CỦA QUẬN VÀ CỦA NĂM HỌC CŨ 2023 - 2024 | NỘI DUNG CHI | THỜI ĐIỂM TỎ CHỨC THU |
|-----|---|------------------------------|--|--|---|
| 3 | Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống (đồng/HS/tháng) (2 tuần/1 tiết) | 40.000 | <p>- Mức thu của Quận: 40.000đ/2 tuần/1 tiết và 80.000đ/1 tuần/1 tiết; mức thu năm học cũ 2023-2024: 80.000đ/1 tuần/1 tiết; Tỷ lệ tăng 0% so với mức thu năm học cũ.</p> | <p>- Khoản thu để tổ chức các hoạt động: 1./ Chi 83% học phí đào tạo (30.000đ) và 100% phần mềm (10.000đ) cho công ty đối tác tổ chức giảng dạy (2 tuần/1 tiết). 2./ Chi 2% nộp thuế TNDN 3./ Chi 15% học phí đào tạo (30.000đ) nhà trường sử dụng theo quy chế chi tiêu nội bộ.</p> | <p>- Thực hiện thu mỗi tháng, từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025.</p> |
| 4 | Tiền tổ chức Giáo dục STEM (đồng/HS/tháng) (2 tuần/1 tiết) | 90.000 | <p>- Mức thu của Quận: 90.000đ/2 tuần/1 tiết và 180.000đ/1 tuần/1 tiết; mức thu năm học cũ 2023-2024: không có; Tỷ lệ tăng 0% so với mức thu năm học cũ.</p> | <p>- Khoản thu để tổ chức các hoạt động: 1./ Chi 83% học phí đào tạo (60.000đ) và 100% phần mềm (30.000đ) cho công ty đối tác tổ chức giảng dạy (2 tuần/1 tiết). 2./ Chi 2% nộp thuế TNDN 3./ Chi 15% học phí đào tạo (60.000đ) nhà trường sử dụng theo quy chế chi tiêu nội bộ.</p> | <p>- Thực hiện thu mỗi tháng, từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025.</p> |
| 5 | Tiền tổ chức dạy tiếng Anh với người nước ngoài (đồng/HS/tháng) | 200.000 | <p>- Mức thu của Quận: 200.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 180.000 đồng/HS/tháng; Tỷ lệ tăng 11% so với mức thu năm học cũ.</p> | <p>Khoản thu để tổ chức các hoạt động: Chi 70% trên tổng thu cho công ty đối tác tổ chức giảng dạy. 2./ Chi 2% nộp thuế TNDN 3./ Còn lại 28% tổng thu nhà trường sử dụng theo quy chế chi tiêu nội bộ.</p> | <p>- Thực hiện thu mỗi tháng, từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025.</p> |
| 6 | Tiền tổ chức học bơi (đồng/HS/tháng) (Dự kiến học 6 tuần) | 180.000 | <p>- Mức thu của Quận: 220.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 167.000 đồng/HS/tháng; Tỷ lệ tăng 8% so với mức thu năm học cũ.</p> | <p>- Chi 98% cho công ty hồ bơi và nhà xe đưa đón học sinh - Chi 2% nộp thuế TNDN</p> | <p>- Dự kiến thực hiện thu tháng 2/2025</p> |

III./ Khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án

| STT | NỘI DUNG THU | MỨC THU NHÀ TRƯỜNG 2024-2025 | SO SÁNH VỚI MỨC THU CỦA QUẬN VÀ CỬA NĂM HỌC CŨ 2023 - 2024 | NỘI DUNG CHI | THỜI ĐIỂM TỎ CHỨC THU |
|---|---|------------------------------|--|--|---|
| 1 | Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành Phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030 (IC3) (60tiết/năm) (đồng/HS/tháng) (Chi thu với học sinh đăng ký) | 160.000 | - Mức thu của Quận: 180.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 156.000 đồng; Tỉ lệ tăng 3% so với mức thu năm học cũ. | - Khoản thu để tổ chức các hoạt động: 1/ Chi 93% cho công ty đối tác tổ chức giảng dạy (60 tiết/năm). 2/ Chi 2% nộp thuế. 3/ Chi 5% theo hợp đồng, nhà trường sử dụng theo quy chế chi tiêu nội bộ. | - Thực hiện thu mỗi tháng, từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025. |
| IV. Các khoản thu dịch vụ cho cả nhân học sinh | | | | | |
| 1 | Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (đồng/HS/năm học) | 170.000 | - Mức thu của Quận: 170.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 150.000 đồng/HS/tháng; Tỉ lệ tăng 13% so với mức thu năm học cũ. | Dùng để mua sắm các thiết bị vật dụng phục vụ cho học sinh bán trú trong 1 năm học đối với một học sinh. | - Thực hiện thu 1 lần cho cả năm học thu vào tháng 9/2024. |
| 2 | Tiền học phẩm (đồng/HS/năm học) | 50.000 | - Mức thu của Quận: 50.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 50.000 đồng; Tỉ lệ tăng 0% so với mức thu năm học cũ. | - Dùng để mua sắm ấn phẩm ấn chi phục vụ học sinh như giấy thi, phụ hiệu, thẻ học sinh, học bạ, túi lưu bài kiểm tra. | - Thực hiện thu 1 lần cho cả năm học thực hiện thu vào tháng 9/2024. |
| 3 | Tiền ăn trưa bán trú (đồng/HS/ngày ăn) | 38.000 | - Mức thu của Quận: 38.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 35.000 đồng/HS/ngày; Tỉ lệ tăng 8% so với mức thu năm học cũ. | Dùng để mua gạo, gas, các loại thực phẩm dùng cho bữa ăn của học sinh. | - Thực hiện thu mỗi tháng, từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025. |
| 4 | Tiền nước uống (đồng/HS/tháng) | 10.000 | - Mức thu của Quận: 10.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 10.000 đồng/HS/ngày; Tỉ lệ tăng 0% so với mức thu năm học cũ. | - Dùng để mua nước uống cho học sinh | - Thực hiện thu mỗi tháng, từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025. |
| 5 | Tiền khám sức khỏe (đồng/HS/năm học) | 23.000 | - Mức thu của Quận: 50.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 20.000 đồng; Tỉ lệ tăng 15% so với mức thu năm học cũ. | - Dùng để thanh toán chi phí khám sức khỏe cho học sinh | - Thực hiện thu 1 lần cho cả năm học, thực hiện thu vào tháng 9/2024. |



| STT | NỘI DUNG THU | MỨC THU NHÀ TRƯỜNG 2024-2025 | SO SÁNH VỚI MỨC THU CỦA QUẬN VÀ CỦA NĂM HỌC CŨ 2023 - 2024 | NỘI DUNG CHI | THỜI ĐIỂM TỎ CHỨC THU |
|-----|--|------------------------------|--|--------------|---|
| 6 | Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số (Sổ liên lạc điện tử) (đồng/HŠ/năm) | 100.000 | - Mức thu của Quận: 100.000 đồng/tháng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 100.000 đồng/năm; Tỉ lệ tăng 0% so với mức thu năm học cũ. | | - Thực hiện thu 1 lần cho cả năm học 2024-2025, dự kiến thực hiện thu vào tháng 9/2024. |
| 7 | Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số (Phần mềm quản lý học K12ONLINE) (đồng/HŠ/tháng) | 10.000 | - Mức thu của Quận: 100.000 đồng/tháng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 100.000 đồng/năm; Tỉ lệ tăng 0% so với mức thu năm học cũ. | | - Thực hiện thu 1 lần cho cả năm học 2024-2025, dự kiến thực hiện thu vào tháng 9/2024. |

V. Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú

| | | | | | |
|---|---|---------|---|--|--|
| 1 | Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú (đồng/HŠ/tháng) | 300.000 | - Mức thu của Quận: 300.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 299.000 đồng/HŠ/tháng; Tỉ lệ tăng 0,3% so với mức thu năm học cũ. | - Khoản thu để tổ chức các hoạt động: 1./ Mua sắm vật tư, vật dụng, tổ chức phục vụ bán trú, quản lý công tác bán trú, vệ sinh bán trú, an toàn trường học, an toàn thực phẩm; dùng để trả lương và đóng các loại bảo hiểm theo quy định cho nhân viên phục vụ bán trú; hỗ trợ công tác quản lý bán trú, công tác coi ăn coi ngủ cho học sinh bán trú; chi trả lương cho giáo viên dạy đồ bài; chi hỗ trợ điện, nước và các chi phí khác. 2./ Chi 2% nộp thuế TNDN 3./ Trích cải cách tiền lương; cuối năm nếu còn thặng dư thì sẽ thực hiện trích nguồn cải cách tiền lương theo quy định. | - Thực hiện thu mỗi tháng, từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025. |
|---|---|---------|---|--|--|

VI. Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)

| | | | | | |
|---|--|--------|---|---|--|
| 1 | Tiền điện máy lạnh và bảo trì máy lạnh (đồng/HŠ/tháng) | 23.000 | - Mức thu của Quận: 23.000 đồng; mức thu năm học cũ 2023-2024: 20.000 đồng; Tỉ lệ tăng 15% so với mức thu năm học cũ. | - Dùng để thanh toán tiền điện máy lạnh và bảo trì máy lạnh cho học sinh. | - Thực hiện thu mỗi tháng, từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025. |
|---|--|--------|---|---|--|

VII. Khoản thu tự nguyện

| STT | NỘI DUNG THU | MỨC THU NHÀ TRƯỞNG 2024-2025 | SỐ SÁNH VỚI MỨC THU CỦA QUẬN VÀ CỦA NĂM HỌC CŨ 2023 - 2024 | NỘI DUNG CHI | THỜI ĐIỂM TỎ CHỨC THU |
|-----|---------------------------|------------------------------|---|--------------|---|
| 1 | Bảo hiểm y tế học sinh | 884.520 | Theo quy định của BHXH Việt Nam | | - Thực hiện thu 1 lần cho cả năm 2025, thực hiện thu vào tháng 11/2024. |
| 2 | Bảo hiểm tai nạn học sinh | 30.000 | - Mức thu của Quận: không có; mức thu năm học cũ 2023-2024: 30.000 đồng; Tỷ lệ tăng 0% so với mức thu năm học cũ. | | - Thực hiện thu 1 lần cho cả năm học, thực hiện thu vào tháng 9/2024. |



HUYỆN HÀNH ĐIỂM PHÚC

